

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v Quy định lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của các vỉa than trong các mỏ
hầm lò thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/8/2018 của Chính phủ về
Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt
Nam.

Căn cứ các điều 107, 108 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai
thác than hầm lò QCVN 01: 2011/BCT được ban hành kèm theo Thông tư số
03/2011/TT-BCT ngày 15/02/2011 của Bộ công thương.

Theo đề nghị của Trưởng ban Kỹ thuật Công nghệ mỏ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định lấy mẫu xác định
mức độ tự cháy của các vỉa than trong các mỏ hầm lò thuộc Tập đoàn Công
nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay cho quy
định lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của vỉa than ban hành kèm theo Quyết định
số 1583/QĐ-TKV ngày 25/8/2017.

Điều 3. Các ông Tổng giám đốc/Giám đốc các Tổng công ty/công ty sản
xuất than hầm lò; Công ty Xây lắp mỏ TKV; Viện KHCN Mỏ; Trung tâm Cấp cứu
mỏ; Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam và Trưởng các
ban liên quan của Tập đoàn căn cứ quyết định thi hành /

Nơi nhận:

- TGĐ Đặng Thanh Hải (e-copy thay B/c);
- Các PTGĐ: Nguyễn Ngọc Cơ; Nguyễn Hoàng
Trung; Phan Xuân Thủy (e-copy);
- PGĐ Trung tâm ĐHSX Bùi Quốc Tuấn (e-copy);
- Các đơn vị sản xuất than Hầm lò; Công ty Xây lắp
mỏ TKV; Trường Cao đẳng TKV (e-copy);
- Trung tâm Cấp cứu mỏ (e-copy);
- Viện KHCN Mỏ (e-copy);
- Các ban: KCM, AT, CV, TN, KH, KTTC, ĐT, KP,
KCL, TCNS (e-copy);
- Lưu VT, KCM, L37.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Cơ

QUY ĐỊNH LẤY MẪU XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA THAN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 136/QĐ-TKV ngày 11/8/2020)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích ý nghĩa.

1. Nhằm thống nhất công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện việc lấy mẫu than và phân tích xác định mức độ tự cháy của các vỉa than trong các đơn vị khai thác than hầm lò, các đơn vị đào lò thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

2. Đảm bảo độ chính xác của các mẫu để đánh giá mức độ tự cháy của các vỉa than; từ đó xây dựng các giải pháp phòng ngừa để sản xuất đảm bảo an toàn.

Điều 2: Cơ sở áp dụng.

Căn cứ Điều 107, 108 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về an toàn trong khai thác hầm lò QCVN 01:2011/BCT quy định về phòng chống cháy do than tự cháy.

Điều 3: Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Đối tượng:

- a. Các đơn vị sản xuất than hầm lò.
- b. Công ty Xây lắp mỏ TKV; Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam.
- c. Các đơn vị tư vấn, giám sát.

2. Phạm vi: Các đơn vị đang tổ chức khai thác than hầm lò, Công ty Xây lắp mỏ TKV, Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam, các đơn vị tư vấn giám sát thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than -Khoáng sản Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CÔNG TÁC KHẢO SÁT, LẤY MẪU XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA THAN

Điều 4: Công tác khảo sát, lấy mẫu.

1. Các mỏ phải khảo sát, lấy mẫu than để xác định và phân loại mức độ tự cháy cho các vỉa than hằng năm.

2. Việc lấy mẫu than được thực hiện ở những nơi:

a. Đối với mỏ đang thực hiện công tác XDCB:

- Các đường lò xuyên vỉa hoặc lò giếng khi gấp vỉa than.
- Các đường lò dọc vỉa đào trong than.

b. Đối với mỏ đang khai thác:

- Các đường lò xuyên vỉa, lò giếng hoặc lò ngầm khi gấp vỉa than. 

- Các đường lò dọc vỉa đào trong than Gồm: Lò dọc vỉa thông gió; Lò dọc vỉa vận tải; Lò thượng; Lò chợ.

c. Điều kiện lấy mẫu tại các đường lò:

- Đối với các đường lò, gương khâu thi công bằng khoan nổ mìn: Mẫu than được lấy tại gương lò đang hoạt động tiến gương liên tục trong vòng 24 giờ tính đến thời điểm lấy mẫu.

- Đối với các gương thi công bằng máy Combain đào lò, máy khâu: Mẫu than được lấy tại gương lò khi máy đang hoạt động tiến gương liên tục trong suốt 3 ca tính đến thời điểm lấy mẫu.

3. Vị trí, khoảng cách lấy mẫu:

a) Đối với các đường lò xuyên vỉa hoặc lò giếng: Vị trí lấy mẫu được thực hiện ngay khi gấp vỉa than, mỗi vỉa lấy 01 mẫu và được phân tích xác định theo 04 chỉ tiêu gồm: (i) Xác định theo chỉ số tự cháy Sza, Sza' và năng lượng hoạt hóa E; (ii) Xác định nhiệt lượng ô xy hóa; (iii) Phân tích 13 mẫu khí theo quy trình "gia tăng nhiệt độ" khi phân tích mẫu; (iv) Xây dựng đường đặc tính chuẩn của mẫu than.

b) Đối với các đường lò dọc vỉa đào trong than gồm Lò dọc vỉa thông gió; Lò dọc vỉa vận tải: Vị trí lấy mẫu được thực hiện tại gương lò, mỗi vị trí gương lò lấy 01 mẫu than. Khoảng cách giữa các mẫu là 100 mét tính theo tốc độ tiến gương.

c) Đối với các vỉa than có kết quả phân tích, tính toán xếp loại mức độ tự cháy từ loại III trở lên, lấy thêm các mẫu than tại các vị trí: Gương lò thượng, gương lò chợ; mỗi gương lò lấy 02 mẫu; mẫu được phân tích xác định theo 02 chỉ tiêu (i) và (ii) theo Khoản a - Mục 3 - Điều 4.

4. Phân tích các chỉ tiêu đối với từng mẫu than:

a) Trên một đường lò, các mẫu có số thứ tự là số lẻ phân tích 4 chỉ tiêu (i), (ii), (iii), (iv) theo Khoản a - Mục 3 - Điều 4.

b) Các mẫu có số thứ tự là số chẵn phân tích 2 chỉ tiêu (i), (ii) theo Khoản a - Mục 3 - Điều 4.

Điều 5. Công tác chuẩn bị.

Căn cứ vào tiến độ thi công các đường lò và kế hoạch lấy mẫu được Tập đoàn phê duyệt hàng năm; cán bộ phụ trách lấy mẫu ở đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Xác định vị trí lấy mẫu than tại các đường lò: Đường lò cần lấy mẫu; thời gian dừng hoạt động của từng đường lò; ra lệnh sản xuất cho các phòng, công trường/phân xưởng bố trí nhân lực, thiết bị thực hiện công tác lấy mẫu.

2. Thông báo cho Trung tâm An toàn mỏ về thời gian dự kiến lấy mẫu để cử cán bộ giám sát và nhận mẫu về phân tích.

3. Chuẩn bị vật dụng lấy mẫu than gồm: Choòng nhọn, cuốc, bình đựng mẫu than chuyên dụng có gioăng cao su đảm bảo kín khít, thể tích $V = 8,4\text{lit}$ tương ứng với khối lượng từ $4,5 \div 5,0\text{kg}$.

4. Máy đo khí và thiết bị đo nhiệt độ không khí.

5. Biên bản lấy mẫu.

Điều 6. Công tác lấy mẫu.

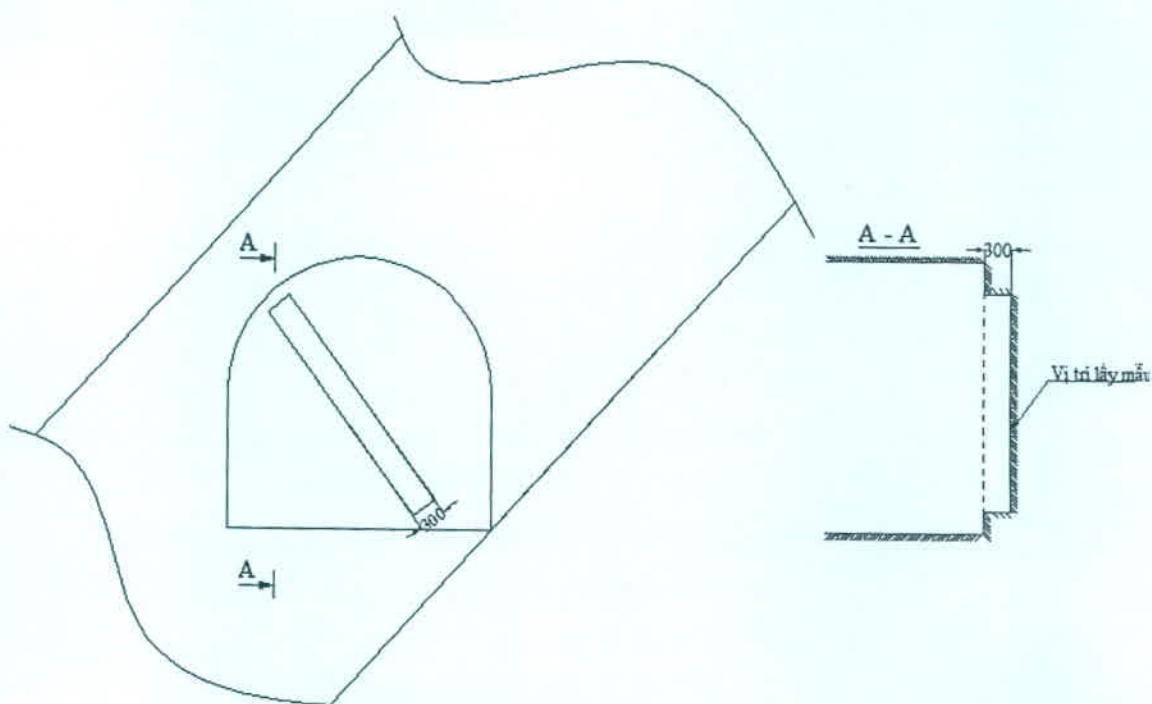
Mẫu than được lấy dưới dạng cục nhỏ, kích thước cỡ hạt từ $10 \div 20\text{mm}$; Mẫu được lấy cách mặt gương mới lộ $\geq 30\text{cm}$; Trình tự các bước lấy mẫu tiến hành như sau:

- Bước 1: Đo kiểm tra điều kiện vi khí hậu, nhiệt độ tại gương ở vị trí lấy mẫu.

- Bước 2: Xác định vị trí lấy mẫu trên gương, sử dụng choòng/cuốc để đào tạo rạch từ vách sang trụ viai tới độ sâu cách mặt gương $\geq 30\text{cm}$ thì dừng lại; làm sạch và tiếp tục đào sâu thêm khoảng 5cm trên toàn bộ mặt rãnh để lấy mẫu than; lấy mẫu đầy bình từ $4,5 \div 5,0\text{kg}$ than cục cỡ hạt từ $10\text{mm} \div 20\text{mm}$; vệ sinh sạch sẽ vòng đệm cao su, miệng và nắp bình, đóng chặt nắp bình đựng mẫu.

- Bước 3: Ghi thông số mẫu ghi trên bình vào biên bản; bảo quản và vận chuyển bình mẫu về phòng thí nghiệm. Trong quá trình vận chuyển và bảo quản tránh va đập gây vỡ, bật nắp bình đựng mẫu. Tuyệt đối không được mở bình trước khi tiến hành đưa mẫu than vào máy để phân tích.

(Quy cách lấy mẫu than tại gương lò thực hiện theo Hình 1)



Hình 1. Vị trí lấy mẫu than tại gương lò

Điều 7: Công tác xử lý mẫu.

Mẫu than lấy từ các mỏ về được đưa vào máy để sấy và nghiền than tới cỡ hạt < 2mm. Sử dụng cân kỹ thuật chia làm các phần như sau:

1. Đối với các mẫu phân tích xác định theo 04 chỉ tiêu: mẫu được chia ra làm 4 phần:

a. Phần 1: Cân khoảng 500÷600gam than và trải đều trên khay; đưa khay vào sấy khô trong môi trường phòng thí nghiệm trong thời gian 12 giờ. Mẫu sau khi sấy tiếp tục được nghiền đến cỡ hạt 0,063÷0,075mm bằng máy nghiền tinh. Trộn và chia đều khoảng 30gam đựng trong bình kín để xác định chỉ số tự cháy (Sza) (Sza'), năng lượng hoạt hóa (E).

b. Phần 2: Cân khoảng 200÷300gam than để xác định các chỉ tiêu xác định độ ẩm toàn phần theo TCVN 172:2011; ISO 589: 2008, sau đó sấy khô và nghiền đến kích thước < 212 μ m; đốt để xác định độ tro, chất bốc theo TCVN 173:2011; ISO 1171: 2010; TCVN 174: 2011.

c. Phần 3: Cân khoảng 100gam than đựng trong bình kín để phân tích xác định nhiệt lượng tỏa ra trong quá trình ôxy hoá mẫu than trong thời gian 21 giờ.

d. Phần 4: Cân khoảng 1000gam than đựng trong bình kín để xác định thành phần khí thoát ra trong quá trình gia nhiệt trong thời gian 39 giờ. Lượng khí thoát ra trong quá trình gia nhiệt được thu lại để tiếp tục đưa vào máy phân tích 13 mẫu khí theo 13 dải nhiệt độ trong thời gian 6,5 giờ. Từ các kết quả phân tích mẫu khí, xây dựng cơ sở dữ liệu đường đặc tính chuẩn của mẫu than.

2. Đối với các mẫu phân tích xác định theo 02 chỉ tiêu: Mẫu được chia ra làm 3 phần:

a. Phần 1: Cân khoảng 500÷600gam than và trải đều trên khay; đưa khay vào sấy khô trong môi trường phòng thí nghiệm trong thời gian 12 giờ. Mẫu sau khi sấy tiếp tục được nghiền đến cỡ hạt 0,063÷0,075mm bằng máy nghiền tinh. Trộn và chia đều khoảng 30gam đựng trong bình kín để xác định chỉ số tự cháy (Sza) (Sza'), năng lượng hoạt hóa (E).

b. Phần 2: Cân khoảng 200÷300gam than để xác định các chỉ tiêu xác định độ ẩm toàn phần theo TCVN 172:2011; ISO 589: 2008, sau đó sấy khô và nghiền đến kích thước < 212 μ m; đốt để xác định độ tro, chất bốc theo TCVN 173:2011; ISO 1171: 2010; TCVN 174: 2011.

c. Phần 3: Cân khoảng 100gam than đựng trong bình kín để phân tích xác định nhiệt lượng tỏa ra trong quá trình ôxy hoá mẫu than trong thời gian 21 giờ.

Điều 8: Công tác phân tích mẫu và tính toán kết quả.

1. Xác định chỉ số tự cháy Sza, Sza' và năng lượng hoạt hóa E.

Mẫu than tại Khoản a, Mục 1, Điều 7, được gia công trong bình kín, hình trụ đến cỡ hạt từ 0,063÷0,075mm. Sau đó nén ép một lượng than thành viên mẫu hình trụ có chiều cao 9mm và đường kính 7,5mm. Đưa viên mẫu vào buồng phản ứng với nhiệt độ không khí trong buồng phản ứng ở đợt đo đầu tiên là 237°C và cho đợt

đo thứ hai là 190°C. Việc thí nghiệm kết thúc khi nhiệt độ của viên mẫu trong đợt đo đầu tiên vượt 260°C và đợt đo thứ hai vượt 215°C.

2. Xác định nhiệt lượng ôxy hóa mẫu than.

Mẫu than tại Khoản c, Mục 1, Điều 7 được gia công đến kích thước cỡ hạt ≤ 0,2mm, sau đó đưa vào bình thuỷ tinh có nắp đậy kín. Cân 7gam mẫu than cho vào cốc đựng mẫu. Đưa mẫu than vào đốt để xác định nhiệt lượng. Trên cơ sở xác định nhiệt lượng tỏa ra trong quá trình ôxy hóa than. Phần mềm hệ thống thiết bị tính toán xác định nhiệt lượng ôxy hóa của than tại các mức thời gian trong 1 giờ và 2 giờ. Đây là cơ sở dữ liệu để đánh giá xác định nhiệt lượng tỏa ra trong quá trình ôxy hóa than tại nhiệt độ tương ứng với nhiệt độ tự nhiên tại vị trí lấy mẫu than.

3. Xây dựng đường đặc tính chuẩn của mẫu than.

Mẫu than tại Khoản d, Mục 1, Điều 7, được gia công đến kích thước cỡ hạt ≤ 0,2 mm, sau đó đưa vào bình mẫu của thiết bị lò kháng và tiến hành gia nhiệt cho mẫu than theo các dải nhiệt độ: 50; 75; 100; 125; 150; 175; 200; 225; 250; 275; 300; 325; và 350°C (13 dải nhiệt độ) đồng thời thiết lập tốc độ dòng không khí đi qua mẫu than. Khi nhiệt độ mẫu than đạt gần đến nhiệt độ lò ($\pm 3^{\circ}\text{C}$) tiến hành lấy mẫu khí bằng cách đưa túi mẫu khí vào đường thoát khí của lò để lấy mẫu. Tại mỗi dải nhiệt độ tiến hành lấy mẫu khí thoát ra phân tích các loại khí H₂; O₂; N₂; CO₂; CH₄; CO; C₂H₂; C₂H₄; C₂H₆; C₃H₈ và tính toán xác định các chỉ số tự cháy của than. Trên cơ sở các chỉ số được tính toán, xây dựng đường đặc tính chuẩn của mẫu than theo từng dải nhiệt độ gia nhiệt.

Điều 9: Phân loại mức độ tự cháy của than.

Trên cơ sở kết quả phân tích mẫu than xác định theo các chỉ tiêu về: Chỉ số tự cháy Sza và năng lượng hoạt hóa E; nhiệt lượng ôxy hóa mẫu than; mẫu khí gia nhiệt và xây dựng đường đặc tính chuẩn của mẫu than. Phân loại mức độ tự cháy của than được thể hiện trong bảng sau:

Phân loại than theo mức độ tự cháy

Chỉ số tự cháy Sz ^a , [$^{\circ}\text{C}/\text{phút}$]	Năng lượng hoạt hóa E, [kJ/mol]	Phân loại than tự cháy	Mức độ tự cháy của than
đến 80	> 67	I	Rất thấp
	46 ÷ 67	II	Thấp
	< 46	III	Trung bình
> 80 ÷ 100	> 42		
	< 42	IV	Cao
> 100 ÷ 120	> 34		
	< 34		
> 120	Không bình thường	V	Rất cao

Từ kết quả phân loại theo mức độ tự cháy của than theo bảng trên; các đơn vị có các vỉa than thuộc nhóm III, IV, V lập phương án phòng chống cháy nội sinh đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất và trình Tập đoàn phê duyệt vào kỳ kế hoạch hàng năm.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10: Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị sản xuất than hầm lò.

a. Chỉ bố trí những người đã qua đào tạo, huấn luyện và được cấp chứng chỉ làm công việc lấy mẫu than.

b. Hàng năm lập kế hoạch lấy mẫu than để xác định mức độ tự cháy của các vỉa than. Căn cứ kết quả phân tích mẫu than năm trước, lập phương án phòng ngừa cháy nội sinh cho các vỉa than có mức độ tự cháy thuộc nhóm III, IV, V trình Tập đoàn phê duyệt vào kỳ giao kế hoạch hàng năm. Căn cứ kế hoạch lấy mẫu được Tập đoàn duyệt và tiến độ đào lò, lập kế hoạch và phối hợp với Trung tâm An toàn mỏ tổ chức lấy mẫu than hàng tháng.

c. Trong vòng không quá 12 giờ kể từ khi lấy mẫu; các đơn vị có trách nhiệm giao mẫu cho Trung tâm An toàn mỏ để phân tích.

d. Hàng tháng, căn cứ kết quả phân tích và phân loại mức độ tự cháy của các mẫu than được Trung tâm An toàn Mỏ cung cấp; các đơn vị sản xuất than hầm lò có trách nhiệm cập nhật vị trí lấy mẫu; lập phương án phòng ngừa bổ sung với vỉa có mẫu than xếp loại theo **mức độ tự cháy của than từ mức cao trở lên** trình Tập đoàn duyệt; tổ chức thực hiện theo phương án để đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất.

e. Định kỳ 2 năm/lần, phối hợp với Trung tâm An toàn Mỏ tổ chức đào tạo, huấn luyện lại và cấp chứng chỉ cho những người làm công tác lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của các vỉa than.

f. Chịu trách nhiệm về chất lượng của mẫu than trong suốt quá trình kể từ khi lấy mẫu đến khi giao mẫu cho Trung tâm An toàn MỎ.

2. Trung tâm An toàn MỎ - Viện KHCN MỎ.

a. Phối hợp với các đơn vị sản xuất than hầm lò: Giám sát lấy mẫu tại các vị trí, các vỉa theo kế hoạch lấy mẫu được Tập đoàn phê duyệt.

b. Tiếp nhận và phân tích mẫu; sau 24 giờ kể từ khi nhận mẫu phải gia công xong mẫu than; sau 48 giờ phải phân tích xong mẫu theo 02 chỉ tiêu; sau 60 giờ phải phân tích mẫu xong theo 04 chỉ tiêu. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ khi nhận mẫu phải gửi kết quả phân tích cho các đơn vị. Thông báo nhanh (bằng điện thoại, fax,...) cho các đơn vị, Tập đoàn (Ban KCM) sau khi có kết quả phân tích về những mẫu thuộc loại IV, V.

c. Chịu trách nhiệm về chất lượng các mẫu than trong quá trình giám sát, lấy mẫu, tiếp nhận và phân tích.

d. Định kỳ 2 năm/lần, phối hợp với các đơn vị sản xuất than hầm lò tổ chức đào tạo, huấn luyện lại và cấp chứng chỉ cho những người làm công tác lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của các vỉa than.

e. Tổng hợp kết quả lấy mẫu, phân loại mức độ tự cháy của các vỉa than ở các đơn vị, báo cáo kết quả thực hiện hàng quý về Tập đoàn (Ban KCM) trước ngày 10 của tháng đầu quý sau.

3. Ban chuyên môn của Tập đoàn (Ban KCM).

a. Căn cứ năng lực của phòng thí nghiệm, phân bổ kế hoạch lấy mẫu than hằng năm cho các đơn vị sản xuất than hầm lò. Kiểm tra những vỉa than có mức độ tự cháy cao để tư vấn, chỉ đạo các đơn vị lập biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất.

b. Căn cứ kết quả lấy mẫu, phân tích năm trước và kế hoạch KTCN hằng năm; chỉ đạo các đơn vị lập phương án phòng ngừa than tự cháy, đồng thời chủ trì thẩm định, báo cáo Tổng giám đốc phê duyệt phương án vào kỳ kế hoạch năm/hoặc khi có phát sinh.

c. Chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện nghiêm túc theo quy định này./. 

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN LẤY MẪU VÀ GIAO NHẬN MẪU THAN XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA CÁC VĨA THAN

Biên bản số:.....

Đơn vị lấy mẫu: Công ty than..;

Đơn vị giám sát: Trung tâm An toàn mỏ;

Thời gian lấy mẫu: Ca ngày tháng năm

Vị trí lấy mẫu: tại IIK 10 lò DVVT -150 via 8 TT; IIK 40 lò DVVT -175 via 5 KN

Người lấy mẫu: Phạm Văn A – NV phòng thông gió; Nguyễn Văn B – Công nhân PXTG – Công ty than.....

Người giám sát: Nguyễn Văn C ; Phạm Văn D – Nhân viên phòng TG&ATM, Trung tâm An toàn mỏ

TT	Vị trí lấy mẫu và tên đường lò	Thời gian lấy mẫu	Mẫu lấy tại gương			Các chỉ tiêu phân tích	Nhiệt độ trong bầu không khí mỏ tại vị trí lấy mẫu (°C)	Vận tốc gió tại gương lò (m/s)	Lưu lượng gió tại gương lò (m ³ /s)	Ghi chú
			Tiết diện đường lò (m ²)	Chiều sâu lấy mẫu (mét)	Số hiệu mẫu					
1	2	3	4	5	6		7	8	9	10
1	IIK 140 lò DVVT mức -175 via 5KN	9h00	9,5	0,35	AT 08	2	28,5	0,6	5,7	Lấy mẫu lần 2
2	IIK 10 lò DVVT mức -150 via 8 TT	8h45	16	0,35	AT 16	4	29	0,4	6,4	Lấy mẫu lần 1
3									
									

THỰC HIỆN LẤY MẪU

Công ty than

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trung tâm An toàn mỏ

Người giám sát lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIAO NHẬN MẪU THAN

Thời gian:h... ngày/..../.... bàn giao mẫu tại:.....

Công ty than

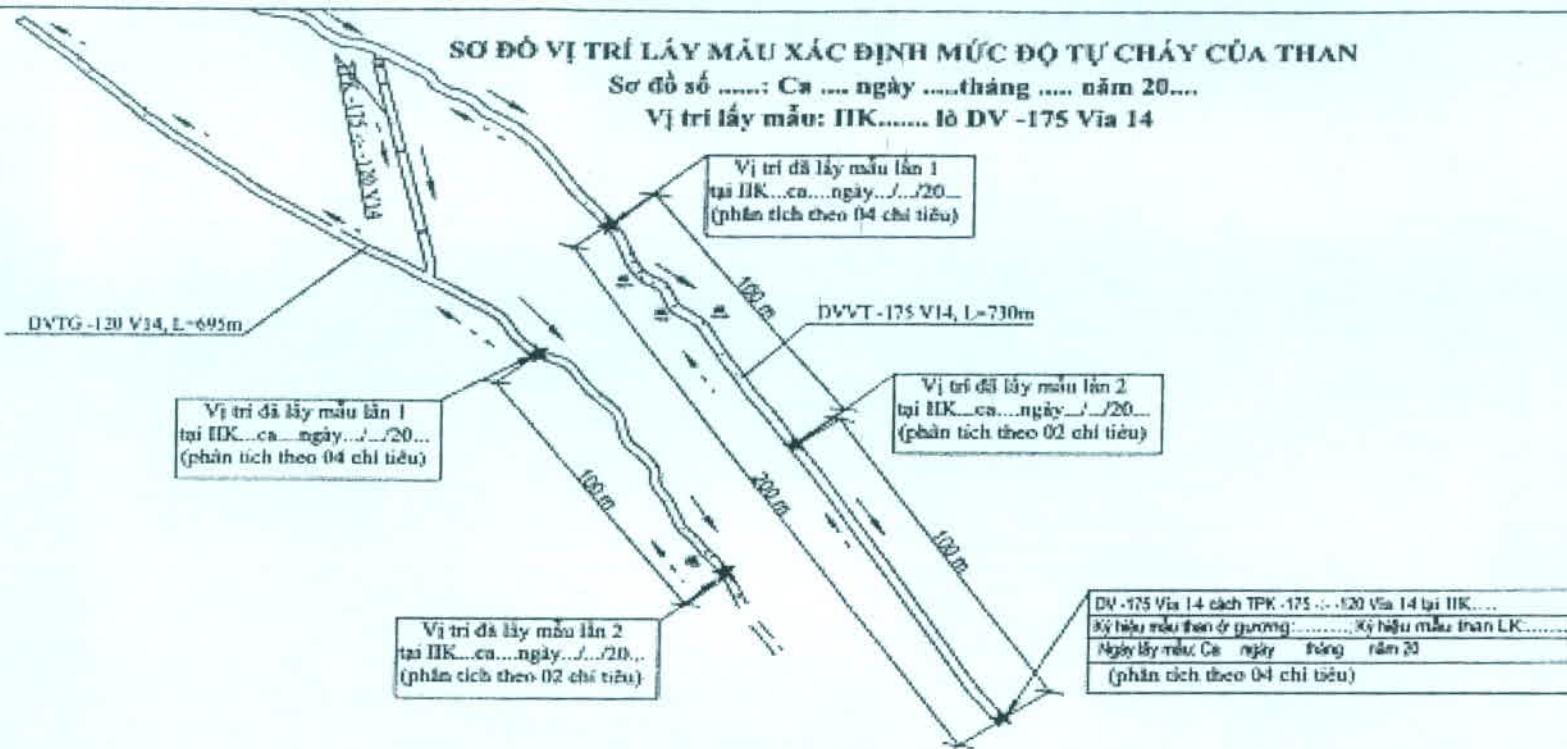
Người giao mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trung tâm An toàn mỏ

Người nhận mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA THAN

Sơ đồ số; Cx ngày tháng năm 20....
Vị trí lấy mẫu: HK..... lô DV -175 Via 14



Khảo sát và lấy mẫu		Giao nhận vị trí khảo sát, lấy mẫu	
Công ty than..... Người lấy mẫu (Ký, ghi rõ họ tên)	Trung tâm An toàn mỏ Người giám sát và lấy mẫu ghi rõ họ tên)	Công ty than..... Người bàn giao (Ký, ghi rõ họ tên)	Trung tâm An toàn mỏ Người nhận ghi rõ họ tên)

17/07/2011

SK

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY.....

Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ PHÂN TÍCH MẪU
XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA CÁC VĨA THAN

Kính gửi: Trung tâm An toàn Mỏ, Viện KHCN Mỏ - Vinacomin.

Căn cứ kế hoạch khoan lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của các vỉa than năm..... của Công ty.....được Tập đoàn phê duyệt và Hướng dẫn lấy mẫu được ban hành kèm theo quyết định số..../QĐ-TKV ngày/..../.....;

Căn cứ hợp đồng kinh tế số.../HD..., ngày.....tháng.....năm..... giữa Công ty than.....với Trung tâm An toàn Mỏ về việc “.....”

Công ty..... đã phối hợp với Trung tâm An toàn mỏ lấy mẫu than tại các gường lò đúng quy trình quy định (có kèm theo biên bản và sơ đồ vị trí lấy mẫu) và được tổng hợp trong bảng sau:

TT	Vị trí lấy mẫu	Ca, ngày lấy mẫu	Ký hiệu mẫu than ở gường lò	Các chỉ tiêu phân tích	Ghi chú
1	IIK 140 lò DVVT mức - 175 via 5KN	Ca 1, 10/3/2020	AT 08	2	Lấy mẫu lần 2
2	IIK 10 lò DVVT mức - 150 via 8 TT	Ca 1, 10/3/2020	AT 16	4	Lấy mẫu lần 1
3				
4				
Tổng số mẫu					

Đề nghị Trung tâm An toàn Mỏ phân tích các mẫu trên và gửi kết quả cho Công ty trong khoảng thời gian theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trung tâm An toàn mỏ;
-
-
- Lưu VP, TGM

Giám đốc Công ty
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ LẤY MẪU XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TỰ CHÁY CỦA CÁC VĨA THAN
Quý năm 20...

Số:/BC-ATM

Kính gửi: Ban KCM, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Căn cứ kế hoạch lấy mẫu xác định mức độ tự cháy của các vỉa than năm được TKV phê duyệt; Trung tâm An toàn mỏ báo cáo kết quả lấy mẫu, phân tích, tính toán xác định mức độ tự cháy của các vỉa than tại các đơn vị trong TKV quý năm 20.. cụ thể như sau:

TT	Vị trí lấy mẫu và tên đường lò	Ca, ngày/ tháng/năm lấy mẫu	Tiết diện đường lò (m ²)	Số lượng (mẫu)	Chiều sâu lấy mẫu (mét) 5	Nhiệt độ trong bầu không khí mỏ tại vị trí lấy mẫu (°C)	Các chỉ tiêu phân tích	Kết quả tính toán				Ghi chú
								Chỉ số tự cháy Sz ^a (°C/phút)	Năng lượng hoạt hóa E (kJ/mol)	Phân loại	Mức độ tự cháy của than	
	Tổng cộng TKV											
I	Công ty than											
1	IIK 140 lò DVVT mức -175 via 5KN	Ca 1, 10/3/2020	9,5	1	0,35	30	2	85	38	IV	Cao	Lấy mẫu lần 2
2	IIK 10 lò DVVT mức -150 via 8 TT	Ca 1, 10/3/2020	16	1	0,35		4	75	46	II	Thấp	Lấy mẫu lần 1
3	IIK 240 lò DVVT mức -175 via 5KN	Ca 1 28/4/2020	10,9	1	0,36	29,3	4	74	43	III	Trung bình	Lấy mẫu lần 3
II	Công ty....											
											
											

Nơi nhận:

- Ban KCM Tập đoàn;
- Viện KHCN Mỏ (e-copy thay b/c);
- Lưu VP, NCMT.

Uông Bí, ngày tháng năm 20...
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu)